HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 24 /2026/NQ-HĐND	*An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 60/2024/QH15, Luật số 74/2025/QH15, Luật số 89/2025/QH15, Luật số 94/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 56/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai;

Xét Tờ trình số 567/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Việc khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai.

b) Tổ chức thu phí gồm: Văn phòng đăng ký đất đai; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

Điều 2. Mức thu phí

Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

STT	Loại Tài liệu	Đơn vị tính	Mức thu phí		
			Cung cấp trực tiếp		Cung cấp qua đường bưu điện
			Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số	
1	Tài liệu bản đồ, tài liệu thông tin địa lý	Đồng/mảnh	26.000	21.000	27.000
2	Tài liệu khác	Đồng/trang A4	14.000	12.000	15.000
3	Trích xuất, tổng hợp thông tin từ tài liệu lưu trữ	Đồng/trường dữ liệu	6.000	5.000	7.000

Mức thu phí hồ sơ tài liệu đất đai trên tính cho 01 trang (hoặc mảnh) dưới hình thức cấp bản sao hoặc cấp chứng thực lưu trữ. Khi số lượng trang (hoặc mảnh) khai thác > 1, mức cho mỗi trang tăng thêm tính bằng 3.300 đồng/mảnh đối với tài liệu bản đồ, tài liệu thông tin địa chính, 2.000 đồng/trang A4 đối với tài liệu khác.

Điều 3. Đối tượng miễn thu phí

1. Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang có yêu cầu cung cấp thông tin đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước theo quy định.

Điều 4. Khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán phí

1. Khai, thu, nộp phí

a) Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh theo thông báo của tổ chức thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Tổ chức thu phí thực hiện khai, nộp phí thu được như sau

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện khai, nộp phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện nộp toàn bộ số tiền phí thu được của tháng trước, bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 05 hằng tháng. Thực hiện khai số tiền phí thu được của tháng trước theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp số tiền phí còn phải nộp từ tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước vào ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 20 hằng tháng.

2. Quản lý và sử dụng phí

a) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thực hiện được nộp 100% vào ngân sách nhà nước.

Chi phí cho việc thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai do ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách hiện hành.

b) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện được để lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; phần còn lại 20% nộp ngân sách nhà nước.

3. Quyết toán phí

Hằng năm, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán số tiền phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

4. Chứng từ thu phí

Tổ chức thu phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí cho người nộp phí theo quy định của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ và thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

5. Các nội dung khác liên quan đến khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện theo quy định Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế, Nghị định số 362/2025/NĐ-CP và các văn bản quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 8 năm 2026.

2. Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2026.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường, đặc khu;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.